

Số: 25/NQ-HĐND

Thăng Bình, ngày 16 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua nhiệm vụ và dự toán đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500
Nghĩa trang nhân dân vùng Tây, huyện Thăng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
Quy hoạch ngày 29 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng
4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định
số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung
về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính
phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Nghị định số
98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung
một số điều của Nghị định 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 về xây
dựng quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 27 tháng 4 năm 2020
của Bộ Xây dựng về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;*

*Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây
dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy
hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên*

huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị Quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2022 và năm 2023;

Xét Tờ trình số 258/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua nhiệm vụ và dự toán đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 nghĩa trang Nhân dân vùng Tây, huyện Thăng Bình; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-BKTXH ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua nhiệm vụ và dự toán đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 nghĩa trang Nhân dân vùng Tây, huyện Thăng Bình, gồm các nội dung sau:

1. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

Vị trí và quy mô được xác định theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030. Cụ thể:

a) Vị trí: xã Bình Định Bắc, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

b) Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc: giáp đất rừng sản xuất và đất nông nghiệp;

- Phía Nam: giáp huyện Quế Sơn và đường quy hoạch nối với ĐH21.QS;

- Phía Đông: giáp đất nông nghiệp;

- Phía Tây: giáp huyện Quế Sơn.

c) Quy mô lập quy hoạch: khoảng 50 ha.

2. Mục tiêu

- Xây dựng Khu nghĩa trang Nhân dân kịp thời bố trí đất phục vụ nhu cầu cải táng, di dời mồ mã bị giải toả phục vụ công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch và phục vụ chôn cất (chôn mới) cho nhân dân trên địa bàn và các khu vực trong vùng;

- Phục vụ nhu cầu mai táng phù hợp với bản sắc văn hóa tín ngưỡng của địa phương;
- Đảm bảo vệ sinh môi trường, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên đất;
- Làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng; quản lý quy hoạch xây dựng.

3. Tính chất

Là khu nghĩa trang nhân dân tập trung (gồm các loại hình an táng: cát táng và chôn một lần), hình thành mô hình nghĩa trang văn hóa, văn minh, hiện đại, đáp ứng nhu cầu an táng của người dân trên địa bàn.

4. Các yêu cầu về sử dụng đất và nguyên tắc về tổ chức không gian, kiến trúc, kết nối hạ tầng kỹ thuật

a) Yêu cầu về sử dụng đất trong nghĩa trang:

- Tỷ lệ sử dụng đất các khu chức năng trong nghĩa trang (tính trên tổng diện tích đất nghĩa trang):

- + Diện tích khu vực mai táng tối thiểu 50%;
- + Diện tích đất khu công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ tối thiểu 40%, trong đó cây xanh, mặt nước tối thiểu 25%, giao thông chính tối thiểu 10%.

- Diện tích đất sử dụng cho mỗi phần mộ đơn (không tính diện tích đường đi xung quanh mộ) tối đa 3 m²/mộ.

Đối với phần mộ ghép (mộ đôi, mộ gia đình) diện tích tối đa bằng diện tích cho từng phần mộ đơn nhân với số lượng thi hài, hài cốt hoặc tro cốt của người chết trong mộ ghép. Tỷ lệ đất dành cho các phần mộ ghép không vượt quá 50% diện tích đất dành cho mai táng. Phần diện tích cây xanh, mặt nước, sân, đường nội bộ và công trình phụ trợ gắn với từng phần mộ trong các nghĩa trang cho phép không tính vào diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ.

- Thể tích ô để lộ tro cốt sau hỏa táng trong công trình lưu tro cốt tối đa là 0,125 m³/ô (nếu có bố trí công trình).

b) Yêu cầu về tổ chức không gian và cảnh quan

- Đề xuất phương án quy hoạch gắn với địa hình tự nhiên của khu vực; phân khu chức năng đảm bảo việc bố trí cho các loại hình mai táng khác nhau; đảm bảo nhu cầu mai táng trên địa bàn và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tùy thuộc quy mô diện tích, nghĩa trang được chia thành các khu mộ hoặc lô mộ được giới hạn bởi đường giao thông. Trong mỗi khu mộ chia thành các lô mộ, mỗi lô mộ được chia ra thành các nhóm mộ, mỗi nhóm mộ có các hàng mộ. Các biển, bảng hướng dẫn người đi thăm mộ phải bố trí tại mỗi nhóm mộ, lô mộ, khu mộ.

- Hình thức mộ, bia mộ, hàng rào trong các khu mộ (nếu có), hướng mộ của nghĩa trang phải được xây dựng thống nhất theo thiết kế trong dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt.

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm công trình giao thông, thông tin - liên lạc, cấp điện và chiếu sáng, san nền, cấp thoát nước, xử lý các chất thải và hệ thống công trình HTKT khác) được xác định theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành. Trong đó lưu ý:

- Tổ chức giao thông:

+ Hệ thống giao thông chính, giao thông kết nối nghĩa trang với giao thông bên ngoài tuân thủ các quy định tại QCVN 07-4:2023/BXD;

- + Chiều rộng đường giữa các khu mộ (đường phân khu mộ) tối thiểu 7 m;
- + Chiều rộng đường giữa các lô mộ (đường phân lô mộ) tối thiểu là 3,5 m;
- + Chiều rộng lối đi bộ trong các lô mộ (đường phân nhóm) tối thiểu 1,2 m;
- + Khoảng cách giữa hai hàng mộ liên tiếp tối thiểu là 0,8 m;
- + Khoảng cách giữa 2 phần mộ liên tiếp cùng hàng (nếu có) tối thiểu 0,6m;
- + Phải bố trí bãi đỗ xe đáp ứng nhu cầu sử dụng của nghĩa trang.

- Hệ thống cấp điện:

- + Điều tra, khảo sát và phân tích, đánh giá hiện trạng cấp điện.
- + Dự báo nhu cầu cấp điện và chiếu sáng cho toàn khu theo các chỉ tiêu kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng.
- + Xác định nguồn điện và quy mô, vị trí, công suất các nguồn cấp điện.

- Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- + Điều tra, khảo sát và phân tích, đánh giá hiện trạng đất xây dựng, thoát nước trong khu vực.
- + Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng, đồng thời, xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực và toàn khu: đưa ra phương án san nền hiệu quả kinh tế, đảm bảo mỹ quan và bền vững.

+ San nền để tạo mặt bằng xây dựng cân tôn trọng địa hình tự nhiên và được thực hiện cho từng cụm độc lập. Hướng thoát nước tùy theo địa hình cụ thể để có giải pháp phù hợp với từng khu vực.

- Định hướng quy hoạch cấp nước:

- + Điều tra, khảo sát và phân tích, đánh giá hiện trạng cấp nước.
- + Dự báo nhu cầu tiêu thụ nước.
- + Xác định nguồn nước, giải pháp, quy mô, vị trí, công suất công trình đầu mối.
- + Xác định mạng lưới cấp nước.
- + Xác định các biện pháp bảo vệ nguồn nước và sử dụng tài nguyên nước hợp lý, hiệu quả.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Trong nghĩa trang phải bố trí các thùng rác công cộng và bố trí điểm tập kết chất thải rắn để thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh. Chất thải rắn thu gom phải định kỳ vận chuyển đến nơi xử lý đảm bảo môi trường;

+ Các chất thải có liên quan đến người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm hoặc thi hài đã bị thối rữa phải được xử lý theo các quy định của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải y tế.

- Thu gom và xử lý nước thải:

+ Nghĩa trang phải có hệ thống thoát nước riêng cho nước mặt và nước thải phát sinh từ hoạt động trong nghĩa trang;

+ Khu vực bố trí nghĩa trang có cấu tạo địa chất không bảo đảm chống thấm nước (hệ số thấm lớn hơn 10⁻⁶ cm/s và chiều dày lớp đất chống thấm nhỏ hơn 5 m) thì phải có giải pháp kỹ thuật chống thấm và thu gom nước thấm từ các mộ hung táng để xử lý tập trung hợp vệ sinh, trước khi thải xả ra môi trường.

+ Nước thải từ nghĩa trang phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT trước khi xả thải ra hệ thống tiếp nhận nguồn thải.

d) Đánh giá môi trường chiến lược

- Phân tích, đánh giá hiện trạng – diễn biến môi trường khi chưa lập quy hoạch: Điều kiện khí hậu – thủy văn; địa hình, địa chất (trượt, sạt lở, xói mòn đất); chất lượng tài nguyên nước, đất, không khí, tiếng ồn; quản lý chất thải; vấn đề văn hóa - xã hội... Làm cơ sở để so sánh với các biến đổi môi trường khi quy hoạch xây dựng được thực hiện.

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường của việc quy hoạch: Đánh giá môi trường chiến lược khi thực hiện dự án quy hoạch nhằm ước tính những tác động tích cực – tiêu cực đến môi trường của khu vực quy hoạch; từ đó khẳng định được mức độ của tác động môi trường đến tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái, chất lượng môi trường sống, môi trường xã hội, sức khỏe cộng đồng tại khu vực quy hoạch và các khu vực lân cận. Từ đó, đề xuất và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, làm giảm nhẹ những tác động xấu, tăng hiệu quả tác động tốt.

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường: Đề xuất các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra trong thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của khu quy hoạch cùng với các báo cáo quy hoạch xây dựng để định hướng phát triển lâu dài và bền vững toàn bộ môi trường đất, nước, không khí, cuộc sống con người và phát triển hài hòa của hệ sinh thái khu vực quy hoạch và vùng lân cận, phục vụ cho việc phát triển bền vững.

5. Khảo sát và cắm mốc

a) Công tác khảo sát

- Mục đích và phạm vi khảo sát: Khảo sát, đo vẽ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 phục vụ cho công tác lập quy hoạch chi tiết với quy mô 50ha.

- Công tác đo vẽ bản đồ: Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 được đo vẽ chi tiết theo phương pháp toàn đạc. Việc đo vẽ chi tiết bản đồ tỷ lệ 1/500 được tiến hành bằng máy toàn đạc điện tử theo phương pháp tọa độ cực sau khi đã có kết quả bình sai tọa độ và độ cao của điểm trạm máy. Số liệu đo chi tiết phải ghi vào sổ đo hoặc có thể được ghi vào bộ nhớ trong của máy, sau đó được chuyển vào máy tính xử lý số liệu. Bản đồ địa hình phải được vẽ bằng phần mềm chuyên dụng theo công nghệ bản đồ số, biên tập lại trên Autocad dựa vào các điểm đo ngoài thực địa và các bản vẽ sơ họa. Nội dung tờ bản đồ phải thể hiện đầy đủ các yếu tố địa hình địa vật, hệ thống giao thông, sông ngòi, lưới điện, kênh tưới... Bản đồ phải được vẽ theo đúng ký hiệu quy ước hiện hành.

b) Công tác cắm mốc quy hoạch

Các bản vẽ quy hoạch sau khi được phê duyệt, các yếu tố cơ bản như ranh giới, nút giao thông sẽ được cụ thể hóa từ bản vẽ ra ngoài thực địa. Các yếu tố cơ bản đó được gắn tọa độ và độ cao (đối với các mốc Nút giao thông), dựa vào các mốc khống chế, bằng phương pháp tọa độ cực sẽ được chuyển ra ngoài thực địa. Khối lượng mốc cần cắm: 120 mốc; Trong đó:

- Mốc quy hoạch ranh giới, chỉ giới đường đỏ: 100 mốc
- Mốc quy hoạch tim đường giao thông: 20 mốc.

6. Hồ sơ sản phẩm

a) Hồ sơ khảo sát

- Thuyết minh báo cáo kỹ thuật đo vẽ: 9 bộ
- Bản vẽ địa hình in trên giấy croki: 9 bộ
- Hồ sơ cắm mốc quy hoạch: 9bộ
- 2 đĩa CD ghi hồ sơ khảo sát.
- Các văn bản pháp lý kèm theo.

b) Hồ sơ quy hoạch

Số lượng hồ sơ gồm: 9 bộ kèm theo 02 đĩa CD chứa toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch (bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án).

7. Dự toán kinh phí

Tổng mức dự toán kinh phí lập quy hoạch: **1.999.489.000 đồng** (Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi chín ngàn đồng).

STT	Hạng mục/Công việc	Kinh phí (đồng)
A	Chi phí tư vấn lập quy hoạch	1.778.873.363

STT	Hạng mục/Công việc	Kinh phí (đồng)
1	Chi phí khảo sát địa hình sau thuế	394.237.879
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát sau thuế	16.053.000
3	Chi phí kiểm tra khảo sát địa hình	6.142.000
4	Chi phí cắm mốc quy hoạch	303.393.802
5	Chi phí giám sát cắm mốc quy hoạch	12.354.000
6	Chi phí lập Đồ án quy hoạch sau thuế	943.737.000
7	Chi phí lập Nhiệm vụ sau thuế	102.955.682
7.1	Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch sau thuế	82.026.682
7.2	Chi phí lập Nhiệm vụ khảo sát, cắm mốc quy hoạch	20.929.000
B	Chi phí lựa chọn nhà thầu	22.167.147
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	5.475.216
2	Chi phí thẩm định HSMT	2.000.000
3	Chi phí đánh giá HS dự thầu	6.691.931
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000
5	Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị nhà thầu	5.000.000
C	Chi phí thẩm định, quản lý nghiệp vụ	187.051.100
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	14.621.512
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	67.121.371
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	63.252.220
4	Chi phí công bố quy hoạch	25.233.598
5	Lấy ý kiến đồ án quy hoạch	16.822.399
D	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	11.397.000
	Tổng cộng	1.999.488.610

STT	Hạng mục/Công việc	Kinh phí (đồng)
	Làm tròn	1.999.489.000

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, hoàn chỉnh nhiệm vụ và dự toán đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 nghĩa trang Nhân dân vùng Tây trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện thực hiện tốt công tác phối hợp vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình khóa XII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- TTHĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Xây dựng;
- TVHU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- CVP, PCVP HĐND&UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-HĐ.

CHỦ TỊCH

Phan Công Vỹ